

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2026/HS-PT
Ngày 16 tháng 3 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Mười

Ông Trần Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Như Lạc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 545/2025/TLPT-HS ngày 24 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo Lê Văn H và đồng phạm do các bị cáo có kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số: 717/2025/HS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn H, sinh ngày 14/10/1976 tại Quảng Ngãi; nơi đăng ký thường trú: E65 tổ A, ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thuyền trưởng; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H1, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị P, sinh năm 1956; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; con: 01 con, sinh năm 2007; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/10/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn A, sinh ngày 10/05/1982 tại Quảng Ngãi; nơi đăng ký thường trú: A88, tổ A, ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thuyền trưởng; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H1, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị P, sinh năm 1956; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba; vợ: Nguyễn Thị G, sinh năm 1986; con: 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 28/10/2025, có mặt tại phiên tòa.

(Ngoài ra có 11 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không bị kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hai tàu đánh bắt thủy hải sản mang biển số BV-93169-TS và biển số BV-93269-TS là tàu loại vỏ gỗ, ngành nghề đăng ký: Lưới kéo đôi (giã cào), vùng hoạt động: vùng khơi, biển Việt Nam, thời hạn đến ngày 10/4/2029 do Lê Văn H đứng tên chủ sở hữu, đồng thời H là thuyền trưởng tàu BV-93269-TS (tàu cái), Lê Văn H thuê em ruột là Lê Văn Á làm thuyền trưởng tàu BV-93169-TS (tàu đực). Nhưng H là người chỉ huy và điều hành mọi hoạt động trên cả 02 tàu khi đánh bắt thủy sản trên biển.

Do mong muốn có thêm lợi ích về kinh tế cho cá nhân, gia đình nên H đã nảy sinh ý định đưa 02 tàu cá cùng các thuyền viên qua vùng biển Trung Quốc để khai thác hải sản trái phép. Để thực hiện, H đã trực tiếp thực hiện việc tuyển lựa thuyền viên, thuê 14 người làm việc trên 02 tàu cá với thỏa thuận lương 12.000.000 đồng/thuyền viên/tháng (không có hợp đồng lao động); chuẩn bị nhiên liệu, lương thực, thực phẩm như gạo, mì tôm, dầu ăn, thịt gà, thịt heo, nước uống và các đồ dùng cần thiết khác; dụng cụ, ngư cụ phục vụ cho việc đánh bắt hải sản bất hợp pháp tại vùng biển Đài Loan - Trung Quốc dự kiến trong khoảng thời gian 50 ngày. Sau khi chuẩn bị xong, ngày 01/4/2025, Lê Văn H làm thủ tục cho 02 tàu cá xuất bến tại Cảng T, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay thuộc xã L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đăng ký trên tàu cá BV-93269-TS có 10 người, gồm: Lê Văn H là thuyền trưởng; Hoàng Văn T (thuyền viên), sinh năm 1975, trú tại: ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; Nguyễn Văn T1 (thuyền viên), sinh năm 1999, trú tại: ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; Phạm Hồng T2 (thuyền viên), sinh năm: 1978, trú tại: Tổ A, ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; Nguyễn Quốc T3 (thuyền viên), sinh năm: 1975, trú tại: ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; Nguyễn Đức T4 (thuyền viên), sinh năm: 1996, trú tại: Tổ A, ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; Bùi Quang H2 (thuyền viên), sinh năm: 1976, trú tại: ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; Ngô Văn T5 (thuyền viên), sinh năm: 1983, trú tại: ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; Phan Văn L1 (thuyền viên), sinh năm: 1993, trú tại: F, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; Nguyễn Văn M (thuyền viên), sinh năm: 1988, trú tại: Tổ A, ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đăng ký trên tàu cá BV-93169-TS có 04 người, gồm: Lê Văn Á là thuyền trưởng; Ông Phan Văn L2 (thuyền viên), sinh năm: 1969, trú tại: ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; Ông Phan Văn D (thuyền viên), sinh năm: 1986, trú tại: ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; Lê Quang T6 (thuyền viên), sinh năm: 1997, trú tại: ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh;

Trước khi tàu xuất bến thì Hoàng Văn T, Lê Văn T7, Nguyễn Văn T1 báo gia đình có việc bận không đi. H đã thuê 03 người ở cảng lên tàu đi thay nhưng không làm thủ tục đăng ký đôi người nên không biết rõ tên tuổi địa chỉ của 03 người này. H và các thuyền viên khác chỉ nhớ 01 người tên gọi là “Doan”, 01 người tên “H3”, 01 người tên “Tí” (không xác định tên gọi chính xác).

Đến ngày 03/4/2025, 02 tàu bắt đầu hành trình đi đánh bắt hải sản trên biển. Khi 02 tàu cá hành trình đến vùng biển tỉnh Khánh Hòa thì một người đàn ông tên Nguyễn P1 ở Đà Nẵng sử dụng số điện thoại “0925766879” gọi vào số điện thoại “0347172272” của H, tự giới thiệu là người bán dầu D.O ở khu vực Cảng cá Thọ Quang/Đà N, hướng dẫn H đưa tàu cá vào Cảng cá Thọ Quang/Đà N để làm thủ tục

nhập bến. Ngày 07/4/2025, H cho 02 tàu cá cập cảng T, Đà Nẵng và làm thủ tục nhập cảng tại Trạm Kiểm soát Biên phòng M2 theo hướng dẫn của P1.

Quá trình điều tra, Lê Văn H khai:

Khi gặp P1, H đã được ông Phương hướng D1 rút nguồn điện kết nối từ bình ắc quy trên 02 tàu cá với thiết bị giám sát hành trình nhằm tắt thiết bị giám sát hành trình khi tàu cá đang nằm bờ. Mục đích của việc tắt thiết bị giám sát hành trình ở cảng T để cơ quan chức năng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) không phát hiện được 02 tàu cá rời cảng T, Đà Nẵng đi đánh bắt hải sản trái phép trên vùng biển Đài Loan - Trung Quốc. Ông Phương hướng dẫn H4 tắt thiết bị giám sát hành trình để H4 mua dầu của ông P1 khi tàu cá vào Cảng T Quang/Đà N. Tuy nhiên, do H4 đã chuẩn bị dầu từ khi tàu cá xuất bến nên hứa với ông P1 sẽ mua dầu vào chuyến sau. Sau khi nghe P1 hướng dẫn, H4 đã tắt thiết bị giám sát hành trình trên tàu BV-93269-TS của mình, rồi trực tiếp qua tàu BV-93169-TS tắt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá BV-93169-TS (tháo kẹp bình khỏi nguồn điện) và dặn Lê Văn Á cứ để như vậy không được cấm lại. Trong thời gian 02 tàu cá neo đậu tại cảng Thọ Quang/Đà N có Thuyền viên tên “Tí” không tiếp tục đi làm nên H4 thuê thêm 02 người (một người tên là T8, 01 người tên là M1) đi làm trên 02 tàu nhưng không làm thủ tục đăng ký danh sách thuyền viên.

Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 09/4/2025, Hời cho 02 tàu cá BV-93269-TS và BV-93169-TS xuất bến tại Cảng cá T với tổng cộng 15 người nhưng không làm thủ tục xuất bến với Trạm Kiểm soát Biên phòng, trong đó: Tàu cá BV-93269-TS có 11 người, gồm: Lê Văn H làm thuyền trưởng, các thuyền viên: Phạm Hồng T2, Nguyễn Quốc T3, Nguyễn Đức T4, Bùi Quang H2, Ngô Văn T5, Phan Văn L1, Nguyễn Văn M, “Doan”, “H3”, “T8” (chưa rõ nhân thân lai lịch); tàu cá BV-93169-TS có 04 người, gồm: Lê Văn Á, các thuyền viên: Phan Văn D, Phan Văn L2 và 01 người tên “Mười” (chưa rõ nhân thân lai lịch, lên tàu tại Đà Nẵng). Theo định vị, Hời điều khiển tàu cá BV-93269-TS chạy hướng về vùng biển Trung Quốc, còn tàu BV-93169-TS được Lê Văn Á điều khiển làm thuyền trưởng chạy theo tàu BV-93269-TS, cách nhau khoảng 100m.

Khoảng 12 giờ ngày 10/4/2025, khi 02 tàu đến vùng biển giáp ranh với vùng biển Trung Quốc (cách đường phân định trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc khoảng 04 hải lý), H trực tiếp tắt chức năng phát tín hiệu của thiết bị định dạng AIS (máy hải đồ) trên tàu BV-93269-TS, mục đích để khi đưa tàu cá qua vùng biển nước ngoài khai thác hải sản trái phép sẽ không bị lực lượng chức năng nước ngoài phát hiện, bắt giữ. Sau khi tắt thiết bị định dạng AIS (máy hải đồ) trên tàu, Hời cho 02 tàu cùng 15 thuyền viên tiếp tục hành trình đi thẳng qua vùng biển Trung Quốc. Sáng ngày 11/4/2025, H chỉ đạo cho thuyền viên trên 02 tàu thả lưới đánh bắt hải sản từ khu vực có vị trí tọa độ 19° N - 112° E đến khu vực có vị trí tọa độ 22° N - 118° E, thuộc vùng biển của Đài Loan - Trung Quốc. Hai tàu đánh bắt thủy sản tại khu vực tọa độ trên được khoảng 01 tháng. Đến khoảng 13 giờ ngày 12/5/2025, khi 02 tàu cá đang đánh bắt hải sản tại khu vực có vị trí tọa độ $22^{\circ}00'$ N - $118^{\circ}39'$ E thì bị tàu có ký hiệu CG Taiwan của Lực lượng chức năng Đài Loan phát hiện, bắt giữ tàu BV-93269-TS cùng 11 thuyền viên; tàu cá BV-93169-TS chạy thoát về vùng biển Việt Nam. Tàu cá BV-93269-TS cùng 11 thuyền viên bị tàu của Đài Loan áp tải đến tọa độ $23^{\circ}11'571''$ N - $118^{\circ}32'700''$ E tiến hành lập biên bản rồi đưa tàu BV-93269-TS cùng 11 thuyền viên vào Cảng thuộc đảo B Hồ/Đài L3 neo đậu, tạm giữ người và phương

tiện. Hồi nhớ các tọa độ đánh bắt hải sản, bị Cơ quan chức năng của Đài Loan bắt giữ và lập biên bản thông qua thiết bị định vị trên tàu cá BV-93269-TS.

Trong quá trình bị tạm giữ tại Đài Loan có 02 người Đài Loan đến gặp H và tự giới thiệu là người hỗ trợ H và các thuyền viên về ăn ở, sinh hoạt tại đây (H không biết tên, địa chỉ của 02 người này). Họ cho H biết: nếu có tiền đóng phạt thì trả về nước, không có tiền đóng phạt thì ở tù. Hồi cung cấp số điện thoại của bà Nguyễn Thị N (vợ của H) để hai người này liên hệ. 02 người Đài Loan nêu trên đã gọi điện thoại và thông báo cho bà N chuẩn bị 1.000.000 (một triệu) Đài tệ (tiền Đài Loan) để đóng phạt. Khoảng 03 ngày sau, H được biết bà N đã gửi khoảng 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng), tiền Việt Nam cho những người trên bằng hình thức chuyển khoản để đóng tiền phạt về hành vi “khai thác hải sản trái phép theo quy định của pháp luật Đài Loan”. Sau đó, khoảng 13 giờ ngày 20/5/2025, Lực lượng chức năng Đài Loan đã áp tải tàu BV-93269-TS cùng 11 thuyền viên ra khỏi vùng biển Đài Loan. Hồi đã điều khiển tàu cá BV-93269-TS về vùng biển Việt Nam và liên lạc tìm tàu cá BV-93169-TS. Khoảng 09 ngày sau thì gặp lại tàu cá BV-93169-TS cùng 04 thuyền viên đang neo tại vùng biển gần tỉnh Quảng Ngãi. Hồi và A tiếp tục cho 02 tàu đánh bắt hải sản tại vùng biển giữa Đà Nẵng và Lý Sơn/Quảng N1. Ngày 26/6/2025, do 1 tàu bị hỏng máy nên Hồi cho 02 tàu dừng đánh bắt và đi về bờ. Đến 19 giờ 30 phút ngày 05/7/2025, 02 tàu cá đến cảng cá C thuộc phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước đó, ngày 25/6/2025, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhận được văn bản số 1569/VPĐB ngày 19/6/2025 của Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Việt Nam tại Đ về việc 02 tàu cá mang số hiệu BV-93169-TS và BV-93269-TS hoạt động khai thác thủy sản trên biển bị lực lượng chức năng Đài Loan truy đuổi bắt giữ.

Ngày 30/6/2025, UBND tỉnh B (nay là UBND Thành phố H) có Công văn số 10567/UBND-VP về việc thông tin kết quả rà soát tàu cá BV-93169-TS và BV-93269-TS bị lực lượng chức năng Đài Loan truy đuổi, bắt giữ gửi đến Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố H đề nghị xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

Lê Văn H khai nhận: Do sản lượng đánh bắt hải sản trên các vùng biển trong nước thấp, không đủ bù chi phí chuyển biển nên H đã nảy sinh ý định đưa 02 tàu cá, thuyền viên qua vùng biển Đài Loan - Trung Quốc để tăng sản lượng khai thác hải sản và đưa về Việt Nam bán lấy tiền, ngoài ra không có mục đích gì khác. Hồi không trao đổi, bàn bạc, thống nhất nội dung gì với các thuyền viên trên 02 tàu cá và thuyền trưởng Lê Văn A hay ai khác về việc sẽ đưa 02 tàu cá qua vùng biển Trung Quốc khai thác hải sản. Trong thời gian đánh bắt trên vùng biển Đài Loan - Trung Quốc được khoảng gần 01 tháng, sản lượng hải sản đánh bắt được khoảng 600kg mực khô, trị giá khoảng 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Số mực khô này đã bị lực lượng chức năng Đài Loan tịch thu toàn bộ khi tàu BV-93269-TS bị bắt.

Lê Văn A khai nhận: Lê Văn A được H thuê làm thuyền trưởng tàu BV-93169-TS với mức lương từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/01 tháng tùy theo sản lượng hải sản đánh bắt được. Khi đi, H không bàn bạc với A về việc đưa tàu cá đi đánh bắt thủy sản ở vùng biển Đài Loan - Trung Quốc. Ngày 07/4/2025, khi tàu cá vào đến Cảng T, Đà Nẵng neo đậu, tại đây H nói cho A biết ra “vùng ngoài” để làm, A tự hiểu đi ra “vùng ngoài” để làm tức là đi khai thác hải sản ở vùng biển Trung Quốc vì A từng nghe ngư dân trên biển nói với nhau về việc đưa tàu sang vùng biển

Trung Quốc đánh bắt thì sẽ nói tiếng lóng, ám hiệu với nhau là đi đánh bắt ở “vùng ngoài”. Khi Hời qua tàu cá BV-93169-TS để ngắt nguồn điện của thiết bị giám sát hành trình thì Á đã hiểu rõ là ngắt nguồn của thiết bị giám sát hành trình để đưa tàu cá sang vùng biển Trung Quốc đánh bắt nhưng không có ý kiến hay phản ứng gì. Ngày 09/4/2025, Áu đã điều khiển tàu BV-93169-TS đi theo tàu BV-93269-TS do Hời điều khiển, rời cảng T, Đà Nẵng bắt đầu hành trình đi đánh bắt hải sản, Á điều khiển tàu đi theo hướng 500-600 (hướng Đông Bắc) theo la bàn. Mọi hoạt động của tàu cá, thuyền viên từ khi xuất bến để đi khai thác hải sản trên biển Á đều nghe theo sự chỉ đạo của H. Quá trình đi đánh bắt, Á không nhớ được chính xác tọa độ, Á chỉ biết luôn điều khiển tàu của mình đi song song với tàu của Hời, cách tàu của Hời khoảng 100m để kéo lưới cào. Sau khi tàu BV-93269-TS bị bắt giữ, Á điều khiển tàu chạy về neo ở gần đảo L, Quảng Ngãi để đợi tin tức tàu của H. Khoảng hơn 10 ngày sau thì Á gặp lại tàu của H sau khi được thả về. 02 tàu tiếp tục đánh bắt hải sản ở vùng biển L, Quảng Ngãi thêm 01 tháng mới cho tàu về cập cảng C thuộc phường P, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05/7/2025.

Đối với các thuyền viên trên tàu: Cơ quan điều tra đã làm việc được 11/15 thuyền viên đi trên 02 tàu, 04 thuyền viên còn lại không xác định được nhân thân nên chưa làm việc được. Các thuyền viên trên khai nhận đều là người đi làm thuê cho Lê Văn H trên 02 tàu cá BV-93169-TS và BV-93269-TS, không biết việc Hời đưa tàu cá qua vùng biển nước ngoài khai thác hải sản. Mọi công việc của thuyền viên trên tàu do H chỉ đạo điều hành. Nhiệm vụ của các thuyền viên chỉ là thả lưới, kéo lưới, thu hải sản đánh bắt được. Khi bị lực lượng chức năng Đài Loan bắt giữ thì các thuyền viên mới được biết đang đánh bắt hải sản trên vùng biển nước ngoài.

Ngày 24/7/2025, Chi C thủy sản và Kiểm ngư, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố H có Công văn số: 05/CCTSKN-KN-KV3 về việc phối hợp cung cấp thông tin và trích xuất dữ liệu giám sát hành trình của tàu cá BV-93169-TS và BV-93269-TS gửi Ban Chỉ huy BDBP Thành phố H, với nội dung:

- Thông tin về chủ sở hữu hiện tại của 02 tàu cá BV-93169-TS và BV-93269-TS là ông Lê Văn H, địa chỉ: E, tổ A, ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh (số điện thoại: 0379.765.788).

- Thông tin liên quan đến việc mua bán của 02 tàu cá trên: Không.

- Dữ liệu giám sát hành trình của 02 tàu cá BV-93169-TS và BV-93269-TS:

- + Tàu cá BV-93269-TS đã hiển thị 120 tín hiệu vệ tinh thiết bị giám sát hành trình tàu cá. Tín hiệu đầu vào lúc 07 giờ 01 phút ngày 01/4/2025 tại vĩ độ 10024'24'' N, kinh độ 107011'11'' E (khu vực xã L); tín hiệu cuối vào lúc 04 giờ 52 phút ngày 08/4/2025 tại vĩ độ 16006'05'' N, kinh độ 108014'26'' E (khu vực Thành phố Đà Nẵng).

- + Tàu cá BV-93169-TS đã hiển thị 127 tín hiệu vệ tinh thiết bị giám sát hành trình tàu cá. Tín hiệu đầu vào lúc 06 giờ 54 phút ngày 01/4/2025 tại vĩ độ 10024'24'' N, kinh độ 107011'11'' E (khu vực xã L); tín hiệu cuối vào lúc 18 giờ 05 phút ngày 09/4/2025 tại vĩ độ 16006'04'' N, kinh độ 108014'20'' E (khu vực Thành phố Đà Nẵng).

Trên cơ sở lời khai của thuyền trưởng, thuyền viên tàu cá BV-93269-TS và BV-93169-TS và tài liệu của Văn phòng kinh tế và văn hóa Đài Bắc kèm theo Công văn số 10567/UBND-VP ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh B (cũ) về việc thông tin kết quả

rà soát tàu cá BV-93169-TS và BV-93269-TS bị lực lượng chức năng Đài Loan truy đuổi, bắt giữ.

Ngày 10/7/2025, Ban Chỉ huy BĐBP Thành phố H có văn bản số 56/BCH-PNV gửi Ủy ban B - Bộ N2 đề nghị xác định chủ quyền vùng biển theo các vị trí tọa độ. Ngày 05/8/2025, Ban Chỉ huy BĐBP Thành phố H nhận được văn bản số 252/UBBG-CQ ngày 28/7/2025 của Ủy ban B có nội dung: vị trí tọa độ 190N - 1120E, 220N - 1180 E (khu vực tọa độ tàu cá BV-93269-TS và BV-93169-TS hoạt động khai thác thủy sản), vị trí tọa độ 22000'N - 118039'E (bị lực lượng chức năng Đài Loan bắt giữ) và vị trí tọa độ 23011'571''N - 118032'700''E (bị lực lượng chức năng Đài Loan lập biên bản) đều nằm ngoài vùng biển Việt Nam. Trong đó, vị trí tọa độ 190N - 1120E nằm trong phạm vi 200 hải lý tính từ đường cơ sở Trung Quốc công bố năm 1996; các vị trí tọa độ 220N - 1180E, 22000'N - 118039'E và 23011'571''N - 118032'700''E nằm trong phạm vi 200 hải lý tính từ đường cơ sở Trung Quốc công bố năm 1996 và đường cơ sở Đài Loan (Trung Quốc) công bố năm 1999 (có sơ đồ kèm theo).

Kết luận giám định số: 416/KL-KTHS ngày 20/8/2025 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ C1 kết luận về đối tượng giám định như sau: Trích xuất được dữ liệu về Điểm tọa độ (Điểm dấu, Đ nhớ) từ máy định vị tàu cá (kèm theo dữ liệu khai thác từ máy định vị), không trích xuất được dữ liệu từ máy hải đồ trên tàu cá. Qua kiểm tra dữ liệu trích xuất được từ máy định vị kết quả không thấy có dữ liệu vị trí tọa độ của tàu cá trong thời gian từ ngày 06/4/2025 đến ngày 04/7/2025.

Việc thu giữ và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra đã tạm giữ:

- 01 (một) máy định vị tàu cá hiệu Xinuo, model: XF-607B; số serial No: AIS-60720AE0468, màu đen (tạm giữ trên tàu cá BV-93269-TS); 01 (một) máy định dạng ONWA, Model: KP-1299A; số Ser.No: 1299A200962-44, màu xám (tạm giữ trên tàu cá BV-93269-TS); 01 (một) máy định vị tàu cá hiệu HAIYANG, model: HD-70C, có số 70CooVNAEO B0048 (tạm giữ trên tàu cá BV-93169-TS). Các vật chứng này được Cơ quan An ninh điều tra chuyển đến Thi hành án dân sự Thành phố H bảo quản, chờ xử lý.

- 01 (một) tàu cá, số đăng ký BV-93169-TS, loại tàu vỏ gỗ, có chiều dài 19,3 mét, rộng 6,1 mét, chiều cao 3 mét, công suất 400CV và 01 (một) tàu cá, số đăng ký BV-93269-TS, loại tàu vỏ gỗ, có chiều dài 22,3 mét, rộng 6,9 mét, chiều cao 3,6 mét, công suất 400CV. Hiện đang tạm giao cho bà Nguyễn Thị N (vợ của bị cáo Lê Văn H) bảo quản, chờ xử lý; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký tàu cá BV-93169-TS số 130, cấp ngày 04/7/2023, nơi cấp: Chi cục thủy sản tỉnh B, chủ tàu cá Lê Văn H và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký tàu cá BV-93269-TS số 129, cấp ngày 04/7/2023, nơi cấp: Chi cục thủy sản tỉnh B, chủ tàu cá Lê Văn H: được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số: 75/CT-VKSHCM-P1 ngày 03/11/2025, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Văn Hồi về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Văn Á về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại Khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 717/2025/HS-ST ngày 13/11/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H, Lê Văn Á phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”;

Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 348; các điểm s, x Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); tuyên phạt bị cáo Lê Văn H 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2025;

Áp dụng Khoản 1 Điều 348; các điểm s, x Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); tuyên phạt bị cáo Lê Văn Á 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/11/2025, bị cáo Lê Văn Á kháng cáo với nội dung, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân phải đi làm thuê kiếm sống, gia đình bị cáo có cha mẹ đều tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân chương kháng chiến. Hiện nay bị cáo là lao động chính trong gia đình, luôn chấp hành tốt các chính sách của Đảng và nhà nước. Do đó, xin được hưởng án treo.

Ngày 17/11/2025, bị cáo Lê Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình gia đình bị cáo có cha mẹ đều tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân chương kháng chiến.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Văn H khai nhận hành vi phạm tội của mình như Bản án sơ thẩm đã tuyên nhưng mức hình phạt quá nặng nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Lê Văn Á khai nhận hành vi phạm tội của mình như Bản án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Đơn kháng cáo của các bị cáo H, bị cáo Á hợp lệ, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo: Bản án sơ thẩm tuyên xử các bị cáo là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo H, Á kháng cáo, nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Tuy nhiên trong vụ án, do hai anh em ruột cùng phạm tội, các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Văn H, Lê Văn Á đảm bảo đúng hình thức, trong thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, các kết luận giám định, lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Cặp tàu BV-93169-TS và BV-93269-TS thuộc quyền sở hữu của vợ chồng Lê Văn H và bà Nguyễn Thị N. Vì lợi ích về kinh tế, vụ lợi cá nhân, muốn tăng sản lượng hải sản đánh bắt được nên vào ngày 09/4/2025 H đã chỉ huy, làm thuyền trưởng tàu BV-93269-TS (tàu cái) và thuê em ruột là Lê Văn Á làm thuyền trưởng tàu BV-93169-TS (tàu đực) cùng 14 thuyền viên xuất bến tại Cảng cá T, Đà Nẵng đi vào vùng biển Trung Quốc nhưng không làm thủ tục xuất cảnh theo quy định, không có giấy phép khai thác hải sản ở vùng biển của nước ngoài.

Khi 02 tàu cá đang đánh bắt hải sản tại khu vực có vị trí tọa độ 22°00'N-118°039'E (ngoài vùng biển Việt Nam, nằm trong phạm vi 200 hải lý tính từ đường cơ sở Trung Quốc công bố năm 1996 và đường cơ sở Đài Loan (Trung Quốc) công bố năm 1999) (có sơ đồ kèm theo) thì bị tàu có ký hiệu CG Taiwan của Lực lượng chức năng bắt giữ tàu BV-93269-TS do Hỡ làm thuyền trưởng; riêng tàu cá BV-93169-TS do Á làm thuyền trưởng chạy thoát về vùng biển Việt Nam.

Đối với Lê Văn Á, khi được H cho biết sẽ ra “vùng ngoài” để làm và khi Hỡ qua tàu BV-93169-TS để ngắt nguồn điện của thiết bị giám sát hành trình thì Á hiểu là để đưa tàu sang vùng biển Trung Quốc đánh bắt hải sản nhưng Á không có ý kiến phản đối. Á đã điều khiển tàu cá BV-93169-TS chở 03 thuyền viên đi theo tàu của H vào vùng biển Trung Quốc để cùng đánh bắt hải sản.

Hành vi nêu trên của các bị cáo chồng Lê Văn H, Lê Văn Á đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo hướng dẫn tại điểm b Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số: 04/2024/NQ-HĐTP ngày 12/6/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự về truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi liên quan đến khai thác, mua bán, vận chuyển trái phép thủy sản.

Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Lê Văn H phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 348 Bộ luật hình sự; tuyên xử bị cáo Lê Văn Á phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh. Gây mất trật tự trị an, gây dư luận xấu trong xã hội, ảnh hưởng đến quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với các nước trên thế giới. Do đó cần tuyên phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét nhân thân của các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo Lê Văn H, Lê Văn Á có ông nội tên Lê T9 là Liệt sỹ tham gia kháng chiến chống Mỹ; có cha là Lê Văn H1, mẹ là Phạm Thị P đều được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng nhì; các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình và cùng chăm nuôi cha mẹ là ông Lê Văn H1 (con liệt sỹ) và bà Phạm Thị P.

Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Bản án sơ thẩm áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và bị cáo Lê Văn Á xin được hưởng án treo. Mặc dù, các bị cáo cũng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định của pháp luật. Nhưng xét mức án mà Bản án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc.

Xét trong vụ án, bị cáo H và bị cáo Âu là anh em ruột, các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và đều là lao động chính trong gia đình, các bị cáo đều có trình độ học vấn thấp nên việc nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Các bị cáo có cha, mẹ ruột là người có công với nhà nước, được tặng thưởng huân chương kháng chiến.

Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, tuyên phạt bị cáo H với mức hình phạt 05 năm 06 tháng tù, bị cáo Á 06 tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” là có căn cứ, đúng pháp luật và có đảm bảo tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xem xét hoàn cảnh của hai bị cáo là anh em ruột cùng phạm tội và đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

[5] Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Lê Văn H, Lê Văn Á không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn H, Lê Văn Á

2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 717/2025/HS-ST ngày 13/11/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn H, Lê Văn Á:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H, Lê Văn Á phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”;

Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 348; các điểm s, x Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); tuyên phạt bị cáo Lê Văn H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”, thời hạn tù được tính từ ngày 29/10/2025;

Áp dụng Khoản 1 Điều 348; các điểm s, x Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); tuyên phạt bị cáo Lê Văn Á 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Lê Văn Á bị bắt chấp hành án.

3. Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Lê Văn H, Lê Văn A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**